

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2024

V/v tranh chấp thay đổi mức cấp  
dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 780/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023 về việc “Tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 15 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Văn Ngọc T, sinh năm 1959 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: 60/14 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số 63 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 474/2014/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, bà Nguyễn Thị Thu V và ông Văn Ngọc T thuận tình ly hôn; giao con chung là cháu Văn Tiến V, sinh ngày 07/9/2012 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; ông Văn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Văn Tiến V theo mức 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại chi phí học hành, ăn uống, sinh hoạt của cháu V đã tăng lên trên mức 10.000.000 đồng/tháng (khoảng 190.000.000 đồng/năm), cụ thể như sau: Tiền học 84.000.000 đồng/năm; tiền ăn 36.000.000 đồng/năm; tiền mua dụng cụ học tập 6.000.000 đồng/năm; tiền mua quần áo, giày dép 20.000.000 đồng/năm; tiền học các môn năng khiếu 24.000.000 đồng/năm; tiền mua dụng cụ thể thao 5.000.000 đồng/năm; tiền mua xe đạp 15.000.000 đồng/năm.

Vì vậy, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng không còn phù hợp với tình hình giá cả, chi phí học tập và sinh hoạt của cháu Văn Tiến V, đề nghị Tòa án giải quyết tăng nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Văn Ngọc T, từ 2.000.000 đồng lên 10.000.000 đồng/tháng.

## *2. Bị đơn ông Văn Ngọc T trình bày:*

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 474/2014/QĐST-HNGĐ nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ông Văn Ngọc T được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu V; giao con chung là cháu Văn Tiến V, sinh ngày 07/9/2012 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V theo mức 2.000.000 đồng/tháng, từ tháng 12/2014 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ông T thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án.

Về tình trạng tài sản, thu nhập, ông T hiện là cán bộ hưu trí, hàng tháng thu nhập từ lương hưu khoảng hơn 10.000.000 đồng, ngoài ra không có tài sản hay nguồn thu nhập nào khác. Hiện nay ông T tuổi cao, sức khỏe không đảm bảo, thường xuyên phải đi khám chữa bệnh ở nhiều nơi, hàng tháng phải chi phí khoảng 15.000.000 đồng để khám chữa bệnh.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V về việc tăng mức cấp dưỡng nuôi cháu V từ 2.000.000 đồng lên 10.000.000 đồng thì ông T không đồng ý, vì không có khả năng thực hiện. Bị đơn đề nghị Tòa án giữ nguyên mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

## *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Văn Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi cháu Văn Tiến V theo mức 3.000.000 đồng/tháng; các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn ông Văn Ngọc T (*cư trú tại phường T, thành phố B*), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc*

*người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng chi phí sinh hoạt, ăn uống, học tập của con chung ngày càng tăng, mức cấp dưỡng cũ không còn phù hợp nên yêu cầu bị đơn tăng mức cấp dưỡng lên 10.000.000 đồng/tháng; nguyên đơn xác định ngoài cháu Văn Tiến V, hiện tại ông Văn Ngọc T không có nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng ai khác; nguyên đơn giao nộp bảng kê chi phí học tập, sinh hoạt của cháu Văn Tiến V (bút lục 14) thể hiện chi phí trung bình mỗi tháng 15.800.000 đồng nhưng không giao nộp hóa đơn, chứng từ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ (*khoản tiền học 7.000.000 đồng/tháng, học năng khiếu 2.000.000 đồng/tháng*).

Tại Công văn số 1469/BHXX-CĐBHXH ngày 12/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk (bút lục 23) thể hiện: “*BHXX tỉnh Đắk Lắk đang quản lý và chi trả lương hưu hàng tháng đối với ông Văn Ngọc T...Số tiền lương hưu hàng tháng đang hưởng 19.659.000 đồng*”; bị đơn chỉ giao nộp cho Tòa án tài liệu thể hiện việc khám, chữa bệnh (bút lục 42-48) như: Đau dây thần kinh tọa, thoái hóa đa khớp, tăng huyết áp, viêm đa dây thần kinh.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy từ năm 2014 đến nay tình hình giá cả có nhiều biến động (*mức lương cơ sở cũng tăng từ 1.150.000 đồng lên 2.340.000 đồng*), để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu Văn Tiến V cũng như đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, khám chữa bệnh của ông Văn Ngọc T, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Văn Ngọc T cấp dưỡng nuôi cháu Văn Tiến V theo mức 4.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu cấp dưỡng 6.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Văn Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Áp dụng Điều 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V.

Buộc ông Văn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Văn

Tiến Vinh (sinh ngày 07/9/2012), theo mức 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Văn Tiến Vinh đủ 18 tuổi.

2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0004560 ngày 28/9/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Văn Ngọc T là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thanh Tùng**